

Phụ lục I (tỉnh Phú Yên)

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT CỦA
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ CHĂN NUÔI THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ YÊN**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
A	Lãnh đạo Chi cục (CCT và 01 PCCT)									
1	Nguyễn Văn Minh	28/11/1974	Phú Yên	Thạc sĩ Trồng trọt	Cao cấp	Chi cục trưởng	01.002	28/02/2025	VTVL Lãnh đạo quản lý, phụ trách lĩnh vực tổ chức, hành chính, BVTV	
2	Trương Quang Tường	10/12/1976	Phú Yên	Cử nhân kinh tế kỹ thuật Nông lâm	Trung cấp	Phó Chi cục trưởng	01.003	28/02/2025	VTVL Lãnh đạo quản lý, phụ trách lĩnh vực trồng trọt	
B	Các phòng thuộc Chi cục									
I	Phòng Hành chính, Tổng hợp (2CC, 1VC, 2 LĐHD)									

1	Trịnh Thị Tô Phương	02/10/1982	Phú Yên	Cử nhân Kế toán	Trung cấp	Phó trưởng phòng	01.003	25/04/2025	VTVL Lãnh đạo quản lý, phụ trách lĩnh vực hành chính, tổng hợp	Lãnh đạo Phòng
2	Nguyễn Văn Thông	12/09/1968	Phú Yên	Cử nhân Kinh tế	Trung cấp	Phụ trách kế toán	06.031		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, phụ trách kế toán	công chức
3	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	21/9/1986	Phú Yên	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Sơ cấp	Chuyên viên	01.003		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hành chính, văn phòng	viên chức
4	Đinh Văn Lợi	28/4/1967	Phú Yên	TC Trồng trọt		Bảo vệ cơ quan	01.011		VTVL hỗ trợ, phục vụ, bảo vệ	LĐHĐ NĐ 111; đã đk nghỉ NĐ 178 từ T6/2025
5	Trần Xuyên Vũ Huyền	01/03/2017	Phú Yên	bằng Lái xe B2		Lái xe	01.010		VTVL hỗ trợ, phục vụ, lái xe	LĐHĐ NĐ 111
II	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (4CC)									
1	Nguyễn Xuân Lâm	20/9/1978	Phú Yên	Thạc sĩ Trồng trọt	Trung cấp	Trưởng phòng	09.319	25/04/2025	VTVL Lãnh đạo quản lý, phụ trách lĩnh vực trồng trọt	Lãnh đạo Phòng
2	Nguyễn Thị Kim Hồng	15/6/1984	Phú Yên	Thạc sĩ Trồng trọt	Trung cấp	Phó trưởng phòng	01.003	26/04/2025	VTVL Lãnh đạo quản lý, phụ trách lĩnh vực BVTV	Lãnh đạo Phòng
3	Đoàn Thị Kim Hạnh	03/9/1986	Phú Yên	Kỹ sư Trồng trọt	Sơ cấp	Chuyên viên	01.003		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, Chuyên viên quản lý trồng trọt	công chức

4	Ngô Thạch Quỳnh Huyện	23/7/1988	Phú Yên	Tiến sĩ Bảo vệ thực vật	Sơ cấp	Chuyên viên	01.003		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, Chuyên viên quản lý trồng trọt	công chức
C	Các trạm thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật									
I	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật số 1: 3 viên chức									
1	Mạnh Thế Trí	19/10/1989	Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
2	Võ Hoàng Thu Trình	26/10/1988	Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
3	Biện Minh Triết	15/11/1996	Phú Yên	Kỹ sư Nông học	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
II	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật số 2 : 6 viên chức									
1	Hoàng Thị Kim Anh	21/9/1984	Quảng Nam	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
2	Hồ Kim Lân	20/6/1984	Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	

3	Nguyễn Thị Thúy Vy	16/12/1996	Phú Yên	Kỹ sư Nông học	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
4	Lê Đức Thuận	15/11/1988	Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
5	Nguyễn Nữ Cẩm Ly	19/12/1999	Phú Yên	Kỹ sư Bảo vệ thực vật	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
6	Lê Thị Nhật Lệ	06/12/1997	Phú Yên	Kỹ sư Nông học	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
III	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật số 3 : 3 viên chức									
7	Nguyễn Thị Mỹ	20/12/1984	Phú Yên	Kỹ sư Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
8	Hoàng Gia Thịnh	17/8/1990	Hà Nội	Kỹ sư Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
9	Lê Thành Danh	21/09/1996	Bình Định	Kỹ sư Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	

IV	Trạm Trồng trọt và Chăn nuôi số 4: 4 viên chức									
1	Lương Văn Lê	17/4/1978	Phú Yên	Kỹ sư Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Trạm trưởng	V.03.01.02	26/04/2025	VTVL Lãnh đạo quản lý, phụ trách lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Lãnh đạo Trạm
2	Võ Thị Thắm	05/10/1986	Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Phó Trạm trưởng	V.03.01.02	26/04/2025	VTVL Lãnh đạo quản lý, phụ trách lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Lãnh đạo Trạm
3	Võ Thị Hồng Điệp	20/02/1993	Phú Yên	Cao đẳng Khoa học Cây trồng	Sơ cấp	Kỹ thuật viên BVTV hạng IV	V.03.01.03		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	
4	Lê Thanh Tùng	11/11/1990	Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III	V.03.01.02		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật	

Phú Yên, ngày tháng 5 năm 2025
CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Minh

Phụ lục I (tỉnh Đắk Lắk)

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
	Chi cục Trồng trọt và BVTV									
I	Lãnh đạo Chi cục									
1	Nguyễn Hắc Hiên	20/09/1973	Nam Anh, Nam Đàn, Nghệ An	Thạc sĩ Nông nghiệp	Cao cấp	Chi cục trưởng	01.002	06/03/2025	Trồng trọt, BVTV, KDTV, TTPC	
2	Trần Quốc Toàn	02/09/1966	Tùng Châu, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Thạc sĩ Nông nghiệp	Cao cấp	Phó Chi cục trưởng	01.002	06/03/2025	Trồng trọt	Đăng ký nghỉ theo Nghị định 178 ngày 01/8/2025
3	Ninh Thị Hoa	16/08/1979	Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định	Thạc sĩ Nông nghiệp	Trung cấp	Phó Chi cục trưởng	09.319	06/03/2025	Bảo vệ thực vật, KDTV	
II	Phòng Thanh tra, Pháp chế									
1	Nguyễn Thế Ân	22/05/1970	Đoàn Đào, Phù Cừ, Hưng Yên	Đại học Trồng trọt			09.319		Thanh tra, Pháp chế	
2	Nguyễn Quốc Dũng	30/03/1989	Kỳ Hải, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Thạc sĩ Quản lý công			V.03.01.02		Thanh tra, Pháp chế	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
3	Đỗ Thị Thu Diệu	20/09/1990	Phú Dương, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Bảo vệ thực vật			V.03.01.02		Thanh tra, Pháp chế	
III	Trạm KDTV nội địa									
1	Võ Thị Thu Sương	30/07/1980	Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp	Trạm Trưởng	01.003	18/3/2025		
2	Nguyễn Đức Nguyên	20/12/1982	Quỳnh Bảo, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp	Phó Trưởng Trạm KDTV	09319	18/3/2025		
3	Nguyễn Thị Hoa	18/12/1976	Thái Bình	Đại học trồng trọt	Trung cấp	Phó Trưởng trạm KDTV	09319	18/3/2025	Trạm KDTV	
4	Trần Thị Hạnh	14/08/1983	Nghệ An	Đại học Trồng trọt		Nhân viên trạm KDTV	V.03.01.02		Trạm KDTV	
5	Lê Thuỳ Dương	31/10/1996	Đồng yên , đông sơn, Thanh Hoá	đại học kinh tế		Nhân viên trạm KDTV			Trạm KDTV	HDLD trong chỉ tiêu biên chế
6	Vũ Thị Hà Thu	22/02/1993	Minh Phú, Đông Hưng, Thái Bình	Cử nhân Luật		Nhân viên trạm KDTV			Trạm KDTV	HDLD trong chỉ tiêu biên chế
7	Nguyễn Hà Tuấn Anh	14/4/1996	Bình Hải, Thăng Bình, Quảng Nam	Cử nhân Luật		Nhân viên trạm KDTV				HDLD trong chỉ tiêu biên chế

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
IV	Phòng Hành chính, Tổng hợp									
1	Phạm Khánh Diễm	27/04/1978	Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Trồng trọt		Trưởng phòng	09.319		Hành chính tổng hợp	
2	H'Ning H'Dok	13/04/1976	Ea Tam, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Đại học Kinh tế Nông nghiệp			01.003		Văn thư	
3	Trương Thị Thúy Kiều	28/3/1980	Bình chánh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Bảo vệ thực vật			V.03.01.0 2		hành chính tổng hợp	
4										
5	Lê Uyên	01/03/1997	Đông Yên, Đông Sơn, Thanh Hóa	Đại học KHCT			V.03.01.0 2		Hành chính tổng hợp	
6	Đỗ Thị Ái Long	17/06/2000	Liên Hoa, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Kinh tế Nông nghiệp					Hành chính tổng hợp	HĐLĐ trong chỉ tiêu biên chế
IV	Phòng Bảo vệ thực vật									
1	Nguyễn Hữu Hưng	14/12/1977	TT Hưng Hà, Hưng Hà, Thái Bình	Thạc sĩ KHCT	Cao cấp	Trưởng phòng	01.003			
2	Nguyễn Trung Hiếu	03/12/1982	Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định	Thạc sĩ KHCT		Phó phòng	09.319	01/09/2022	Bảo vệ thực vật	
3	Nguyễn Thị Lệ Giang	14/10/1981	Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Phó phòng	01.003	01/07/2021	Bảo vệ thực vật	
4	Trương Thị Nga	04/01/1983	Hoảng Trường, Hoảng Hoá, Thanh Hoá	Đại học QTKD						HĐLĐ trong chỉ tiêu biên chế

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
5	Nguyễn Thị Huệ	10/8/1988	Phú Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Nhân viên phòng BVTV	V.03.01.02		Bảo vệ thực vật	Viên chức
6	Lê Ngọc Hưng	10/9/1966	thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Trồng trọt		Nhân viên phòng BVTV	T40 V03.01.02-22		Bảo vệ thực vật	Viên chức
V	Phòng Trồng trọt									
1	Nguyễn Thị Mai	12/08/1979	Khánh Lợi, Yên Khánh, Ninh Bình	Thạc sĩ Nông nghiệp	Trung cấp	Trưởng phòng	01.003	06/01/2025	Trồng trọt	
2	Nguyễn Thị My	28/11/1981	Trùng Xá, Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học Trồng trọt			01.003		Trồng trọt	
3	H'Blun Niê	04/04/1974	Cư Huê, Ea Kar, Đắk Lắk	Đại học Trồng trọt			01.003		Trồng trọt	
4	Trần Văn Toàn	10/5/1981	Việt Hùng, Trục Ninh, Nam Định	Thạc sĩ KHCT	trung cấp		V.03.01.02		Trồng trọt	
5	Nguyễn Tiến Nam	15/08/1980	Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học chuyên ngành Bảo vệ thực vật			V.03.01.02		Trồng trọt	
6	Trần Thị Phương Lan	15/03/1980	Tân tiến TP Bắc Giang, Bắc Giang	Thạc sĩ KHCT			V.03.01.02		Trồng trọt	
VII	Trạm trồng trọt và BVTV thành phố (01 Nguyễn Thị Định, Thành Nhất, TP.BMT)									

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Hữu	9/12/1981	Tịnh Thọ, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Thạc sĩ KHCT	trung cấp	Trưởng trạm	V.03.01.0 2		trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
2	Lương Thị Hồng Loan	25/01/1989	xã Lê Lợi, Huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm			V.03.01.0 2		trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
3	Y' Davit Ênuôl	08/08/1979	xã Cư Êbur, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	đại học nông học	trung cấp		V.03.01.0 2		trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
4	Y'Billy Niê kdăm	20/04/1973		đại học trồng trọt			V.03.01.0 2		trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
VIII	Trạm trồng trọt và BVTV không ana (TT Buôn Trấp, Krông Ana,Đăk Lăk)									
1	Võ Quang	24/05/1968	Bình Dương, Thăng Bình, Quảng Nam	Kỹ sư lâm nghiệp	Trung cấp	Trưởng trạm	V.03.01.0 2	20/03/2025	trồng trọt , bvtv	Đăng ký nghỉ theo Nghị định 178 ngày 01/6/2025
2	Nguyễn văn Giáo	26/07/1980	Vinh An, Phú Vang, thừa Thiên Huế	Kỹ sư bảo vệ thực vật	Sơ cấp	nhân viên	V.03.01.0 2		trồng trọt , bvtv	
3	Trần Anh Thiên Lộc	13/05/1984	Phong Lai, Hương Điền, thừa Thiên Huế	Kỹ sư bảo vệ thực vật	Sơ cấp	nhân viên	V.03.01.0 2		trồng trọt , bvtv	
IX	Trạm Trồng trọt và BVTV M'Drăk (TT Easup, Ea Sup, Đăk Lăk)									

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Phương Thủy	31/12/1980	Nam Trung -Tiền Hải-Thái Bình	Kỹ sư BVTV	Trung cấp	Trưởng Trạm	V.03.01.02	25/11/2019	Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
2	H'rim Byă	10/09/1986	Krông Jing- M'Drăk-Đăk Lăk	Kỹ sư Trồng trọt		Nhân viên	V.03.01.02		Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
3	Nguyễn Tiến Sang	12/06/1994	Thạch Khê - Thạch Hà-Hà Tĩnh	Cao Đẳng Khoa học cây trồng		Nhân viên			Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	HĐLĐ trong chỉ tiêu biên chế
X	Trạm Trồng trọt và BVTV Krông Năng (TT Krông Năng, Krông Năng, Đăk Lăk)									
1	Phan Thị Xuyên	25/12/1983	Phúc Đồng - Hương Khê - Hà Tĩnh	Đại học khoa học cây trồng		Trưởng trạm	V.03.01.02	20/3/2015	trồng trọt, bảo vệ thực vật	
2	Đặng Huỳnh Minh Sơn	16/9/1988	Điện Ngọc - Điện Bàn - Quảng Nam	Kỹ sư nông học		nhân viên	V.03.01.02		trồng trọt và BVTV	
3	Cao Văn Hà	07/07/1969	Xuân Hóa - Minh Hóa - Quảng Bình	Đại học nông nghiệp		nhân viên	V.03.01.02		trồng trọt và BVTV	
XI	Trạm Trồng trọt và BVTV Krông Búk (km 47, xã Pong Đran, Krông Búk)									
1	Ngô Khắc Quý	12/11/1975	Diễn Hoa-Diễn Châu-Nghệ -An	kỹ sư Trồng Trọt	Trung Cấp	Trạm Trưởng	V.03.01.02	20/3/2025	Trồng Trọt Và Bảo Vệ Thực Vật	Viên chức
2	Lâm Ngọc Bình	30/8/1985	Bình sa - Thăng Bình - Quảng Nam	kỹ sư công nghệ thực phẩm		Nhân viên	V.03.01.02		Trồng Trọt Và Bảo Vệ Thực Vật	Viên chức

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/02/1985	Hành Thiện- Nghĩa Hành- Quảng Ngãi	kỹ sư Bảo quản chế biến nông sản		Nhân viên	V.03.01.0 2		Trồng Trọt Và Bảo Vệ Thực Vật	Viên chức
XII	Trạm Trồng trọt và BVTV Cư Kuin (xã Đray Bhang, CưKuin, Đắk Lắk)									
1	Vũ văn Kiểm	14/02/1978	Đồng sơn- Nam Trực- Nam Định	Kỹ sư Nông nghiệp		Phụ trách Trạm	V.03.01.0 2	01/08/2024	Trồng trọt và BVTV	Viên chức
2	Nguyễn Phương Trúc	28/10/1979	Tam Anh- Tam Kỳ- Quảng Nam	Kỹ sư Nông nghiệp		Nhân Viên	V.03.01.0 2		Trồng trọt và BVTV	Viên chức
3	Trần Song Toàn	20/10/1968	Kim Liên- Nam Đàn- Nghệ An	Trung cấp Bảo vệ thực vật		Nhân viên	V03.01.03		Trồng trọt và BVTV	Viên chức (đăng ký nghỉ theo Nghị định 178 ngày 01/11/2025)
XIII	Trạm Trồng trọt và BVTV CưMgar (TT Quảng Phú, CưMgar, Đắk Lắk)									
1	La Thị Vân Anh	05/05/1977	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư nghĩa - Quảng Ngãi	Đại Học Trồng Trọt	Trung Cấp	Trưởng Trạm	V.03.01.0 2	20/3/2025	Trồng trọt và BVTV	
2	Nguyễn Trường Hải	02/11/1978	Duy châu, Duy xuyên, Quảng Nam	Đại học Bảo vệ thực vật		Nhân viên	V.03.01.0 2		Trồng trọt và BVTV	Viên chức
3	Y Lim Êban	01/01/1990	Buôn Ju, xã Ea Tu, TP.BMT-Đắk Lắk	Đại học Nông Học	Sơ cấp	Nhân viên			Trồng trọt và BVTV	HDLĐ trong chỉ tiêu biên chế
XIV	Trạm Trồng trọt và BVTV Krông Bông (TT Krông Kmar, Krông Bông, Đắk Lắk)									

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
1	Lê Thị Trúc Hạnh	28/10/1981		Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Phó trưởng Trạm, Phụ trách	V.03.01.02	20/02/2025	Trông tọt và BV	viên chức
2	Trịnh Đình Ngọc	18/02/1985	xã Xuân Yên, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Trung cấp Bảo vệ thực vật		Nhân viên	V.03.01.03		Trông tọt và BVTV	Viên chức
XV	Trạm Trông tọt và BVTV huyện Lăk (TT Liên Sơn, Lăk,Đăk Lăk)									
	Phạm Thị Nhài	01/10/1977	Xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Trồng tọt	Cao cấp	Trưởng trạm	V.03.01.02	20/03/2025	Trông tọt và BVTV	Viên chức
	Nguyễn Đức Quân	27/05/1979	Dương Hồng Thủy, Thái Thụy, Thái Bình	Kỹ sư trồng tọt	Trung cấp	Phó trưởng trạm	V.03.01.02	20/03/2025	Trông tọt và BVTV	Viên chức
	Y Đình Dak Căk	01/01/1982	Bông Krang, huyện Lăk, Đăk Lăk	kỹ sư Nông học		Nhấn viên	V.03.01.02		Trông tọt và BVTV	viên chức
	Trần Thị Tính	18/07/1989	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học bảo vệ thực vật		Nhân viên	V.03.01.02		Trông tọt và BVTV	Viên chức
XVI	Trạm Trông tọt và BVTV huyện Ea Súp (TT EaSup, EaSup,Đăk Lăk)									
1	Nguyễn Văn Thủy	10/08/1968	Vũ Vinh, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Trồng tọt	Cao cấp	Trưởng trạm	V.03.01.02	20/3/2025	Trông tọt, Bảo vệ thực vật	Viên chức (đăng ký nghỉ theo Nghị định 178 ngày 01/9/2025)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
2	Nguyễn Anh Quốc	07/08/1979	Hoa Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Phó trưởng trạm	V.03.01.0 2	20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	Viên chức
3	Trần Thị Hải Yến	08/06/1982	Hồng Phong, Vũ Thư ,Thái Bình	Đại học Trồng trọt		Nhân viên	V.03.01.0 2		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Viên chức
4	Hoàng Văn Giang	17/09/1993	Thụy Xuân, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Bảo vệ thực vật		Nhân viên	V.03.01.0 2		Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	Viên chức
XVII	trạm trồng trọt và bvtv thị xã Buôn Hồ (phường An Lạc, TX Buôn Hồ, Đắk Lắk)									
1	Trần Văn Toan	10/07/1974	Dương Nội, Hà Đông, Tp Hà Nội	Đại học		Phó trưởng Trạm, Phụ trách	V.03.01.0 2		Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	Viên chức
2	Nguyễn Thị Thu Hươ	27/05/1987	Hải Hưng,Hải Lăng , Quảng Trị	cử nhân kinh tế nông nghiệp		nhân viên	V.03.01.0 2		Trồng trọt và BVTV	viên chức
XVII I	Trạm Trồng trọt và BVTV Ea Kar									
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	23/10/1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thạc sỹ nông nghiệp	Cao cấp	Trưởng trạm	V.03.01.0 2	20/03/2025	Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
2	H Jen Byă	02/01/1976	Buôn M'oa, xã cư Huê,Huyện Ea Kar,tỉnh ĐắkLăk	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp	Phó trưởng trạm	V.03.01.0 2	01/09/2022	Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
XIX	Trạm Trồng trọt và BVTV Krông Pắc (TT Phước An, Krông Pắc,Đắk Lắk)									

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
1	Trương Văn Cao	28/11/1966	xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Thạc sĩ trồng trọt		Nhân viên	V.03.01.02		Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
2	Trần Đình Cường	18/4/1978	Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Kỹ sư Bảo vệ thực vật		Nhân viên	V.03.01.02		Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
3	Nguyễn Văn Ngọc	30/12/1973	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nông học		Nhân viên	V.03.01.02		Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
4	Hùng Trịnh Minh Nhật	28/3/1987	Phường Hà Huy Tập, Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Thạc sỹ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Trưởng trạm	V.03.01.02	20/03/2025	Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
XX	Trạm Trồng trọt và BVTV Ea H'Leo (TT Ea Đrăng, Ea H'Leo, Đăk Lăk)									
1	Lê Quang Đức	20/08/1984	Xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Kỹ sư trồng trọt		Phụ trách trạm	V.03.01.02	01/10/2024	Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
2	Bùi Đình Hồng	13/11/1974	Xã Ngọc Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp	Nhân viên	V.03.01.02		Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
XXI	Trạm TT và BVTV Buôn Đôn (xã Eawer, Buôn Đôn, Đăk Lăk)									
1	Hoàng Thị Ánh Nhi	06/10/1985	Xã Điền Lộc - Phong Điền Thừa Thiên Huế	KS Khoa học cây trồng		Trưởng Trạm	V.03.01.02	20/3/2025	Trồng trọt và BVTV	Viên Chức
2	Huỳnh Đức	10/09/1967	Tam Kỳ - Quảng Nam	ĐH Trồng trọt		Nhân viên	V.03.01.02		Trồng trọt và BVTV	Viên Chức

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ	Ngạch công chức, viên chức	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
3	Nguyễn Văn Thủy	20/03/1979	Xã Vũ Hội - Vũ Thư - Thái Bình	KS Khoa học - cây trồng		Nhân viên	V.03.01.02		Trồng trọt và BVTV	Viên Chức

Phụ lục số II

**THỐNG KÊ, TỔNG HỢP VIỆC SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2025
(LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV CỦA CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ CHĂN NUÔI THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ YÊN)**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Loại hình tổ chức	Số lượng tổ chức	Biên chế giao năm 2025		Có mặt đến 15/5/2025		Biên chế chưa thực hiện năm 2025		Ghi chú
			Biên chế công chức, viên chức	số lượng Phó phòng CM	Biên chế công chức, viên chức	số lượng Phó phòng CM	Biên chế công chức, viên chức	số lượng Phó phòng CM	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Đắk Lắk	21	79	9	77	9	9	10	07 HDLĐ trong chỉ tiêu biên chế /09 biên chế công chức, viên chức chưa thực hiện
2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Phú Yên	8	35	7	25	4	11	3	

Phụ lục số III
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỚC KHI HỢP NHẤT						CƠ CẤU TỔ CHỨC SAU KHI HỢP NHẤT				
STT	Sở NN VÀ MT Đắk Lắk	Số biên chế hiện có	STT	Sở NN VÀ MT Phú Yên	Số biên chế hiện có	STT	Sở NN VÀ MT Đắk Lắk	Số biên chế sau hợp nhất	Số biên chế dôi dư sau hợp nhất	Ghi chú (đơn vị nào sáp nhập với đơn vị nào)
1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Đắk Lắk	80 (15 công chức; 64 viên chức; 01 HĐLĐ theo NĐ111/2022/NĐ-CP)	1	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tỉnh Phú Yên (lĩnh vực TT và BVTV)	37 (8 công chức; 27 viên chức; 02 HĐLĐ theo NĐ111/2022/NĐ-CP)	1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Đắk Lắk	117 (23 công chức; 91 viên chức 03 HĐLĐ theo NĐ111/2022/NĐ-CP)	0	Giữ nguyên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Chuyển biên chế và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật từ Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Yên sang Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP NHÂN SỰ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

THỰC TRẠNG NHÂN SỰ CỦA 2 SỞ TRƯỚC KHI HỢP NHẤT												DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT							
Sở Nông nghiệp VÀ MT Đắk Lắk						Sở Nông nghiệp VÀ MT Phú Yên						Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường sau khi hợp nhất							
Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Tổng	Cán bộ quản lý		Công chức, Viên chức	Hợp đồng 111	Stt	Tổng	Cán bộ quản lý		Công chức, Viên chức	Hợp đồng 111	Stt	Tổng	Cán bộ quản lý		Công chức, Viên chức	Hợp đồng 111	Nội dung điều chuyển , sắp xếp CB, CCVC
			Cấp trưởng	Cấp phó					Cấp trưởng	Cấp phó					Cấp trưởng	Cấp phó			
1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	78	16 (1CCT, 15 trưởng phòng, trạm)	11 (2 PCC T, 9 phó phòng, g, trạm)	50 (3 công chức, 40 viên chức, 7 HĐLĐ chờ tuyển dụng	1		27 (8 CC, 17 viên chức, 2 LĐHĐ)	3 (1 CCT, 1 trưởng phòng, 1 trưởng trạm)	4 (1 PCCT, 2 Phó trưởng phòng, 01 phó trạm trưởng)	18 (3 CC, 15 viên chức	2		117 (23 CC; 91VC, 3 HĐ111)	13 (chi cục trưởng, 12 cấp phòng thuộc Chi cục)	20 (04 Phó chi cục trưởng, 16 cấp phó phòng thuộc Chi	81	3	5 (1 Chi cục trưởng, 4 trưởng phòng, trạm)

DỰ KIẾN SẮP XẾP NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT, THÀNH LẬP CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (MỚI)

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

[illegible]

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
	1	Nguyễn Thị Mai	12/08/1979	Khánh Lợi, Yên Khánh, Ninh Bình	Thạc sĩ Nông nghiệp	Trung cấp	Trưởng phòng	01.003			06/01/2025	Trưởng phòng Trồng trọt, Quản lý trồng trọt	
	2	Nguyễn Thị My	28/11/1981	Trùng Xá, Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học Trồng trọt			01.003				Quản lý trồng trọt	
	3	H'Blun Niê	04/04/1974	Cư Huê, Ea Kar, Đắk Lắk	Đại học Trồng trọt			01.003				Quản lý trồng trọt	
	4	Trần Văn Toàn	10/5/1981	Việt Hùng, Trục Ninh, Nam Định	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp			V.03.01.02			Quản lý trồng trọt	
	5	Nguyễn Tiến Nam	15/08/1980	Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học chuyên ngành Bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Quản lý trồng trọt	
	6	Trần Thị Phương Lan	15/03/1980	Tân tiến TP Bắc Giang, Bắc Giang	Thạc sĩ KHCT				V.03.01.02			Quản lý trồng trọt	
2		Phú Yên											
	1	Nguyễn Xuân Lãm	20/9/1978	Phú Yên	Thạc sĩ Trồng trọt	Trung cấp	Trưởng phòng	09.319			25/04/2025	Trưởng phòng Trồng trọt Chăn nuôi, phụ trách lĩnh vực trồng trọt	Đăng ký ở lại cơ sở 2
	2	Nguyễn Thị Kim Hồng	15/6/1984	Phú Yên	Thạc sĩ Trồng trọt	Trung cấp	Phó trưởng phòng	01.003			26/04/2025	Phó Trưởng phòng Trồng trọt Chăn nuôi, phụ trách lĩnh vực BVTV	
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (phòng Trồng trọt)													
Trưởng phòng	1	Nguyễn Thị Mai	12/08/1979	Khánh Lợi, Yên Khánh, Ninh Bình	Thạc sĩ Nông nghiệp	Trung cấp		01.003				Trưởng phòng Trồng trọt, Quản lý trồng trọt	
Phó Trưởng phòng	2	Nguyễn Xuân Lãm	20/9/1978	Phú Yên	Thạc sĩ Trồng trọt	Trung cấp		09.319				Quản lý trồng trọt	Đăng ký ở lại cơ sở 2
Phó Trưởng phòng	3	Nguyễn Thị Kim Hồng	15/6/1984	Phú Yên	Thạc sĩ Trồng trọt	Trung cấp		01.003				Quản lý trồng trọt	
Chuyên viên	4	Nguyễn Thị My	28/11/1981	Trùng Xá, Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học Trồng trọt			01.003				Quản lý trồng trọt	
Chuyên viên	5	H'Blun Niê	04/04/1974	Cư Huê, Ea Kar, Đắk Lắk	Đại học Trồng trọt			01.003				Quản lý trồng trọt	
Chuyên viên	6	Trần Văn Toàn	10/5/1981	Việt Hùng, Trục Ninh, Nam Định	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp			V.03.01.02			Quản lý trồng trọt	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Chuyên viên	7	Nguyễn Tiến Nam	15/08/1980	Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học chuyên ngành Bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Quản lý trồng trọt	
Chuyên viên	8	Trần Thị Phương Lan	15/03/1980	Tân tiến TP Bắc Giang, Bắc Giang	Thạc sĩ KHCT				V.03.01.02			Quản lý trồng trọt	
Chuyên viên	9											Quản lý trồng trọt	
Chuyên viên	10											Quản lý trồng trọt	
Chuyên viên	11											Quản lý trồng trọt	
II		Phòng Bảo vệ thực vật											
		Thực trạng											
1		Đất Lấp											
	*	Phòng BVTV											
	1	Nguyễn Hữu Hưng	14/12/1977	TT Hưng Hà, Hưng Hà, Thái Bình	Thạc sĩ KHCT	Cao cấp	Trưởng phòng	01.003			10/9/2022		
	2	Nguyễn Trung Hiếu	03/12/1982	Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định	Thạc sĩ KHCT		Phó phòng	09.319			10/09/2022	Bảo vệ thực vật	
	3	Nguyễn Thị Lệ Giang	14/10/1981	Son Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Phó phòng	01.003			01/07/2021	Bảo vệ thực vật	
	4	Trương Thị Nga	04/01/1983	Hoảng Trường, Hoảng Hoá, Thanh Hoá	Đại học QTKD				HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			Bảo vệ thực vật	
	5	Nguyễn Thị Huệ	10/8/1988	Phú Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Nhân viên phòng BVTV		V.03.01.02			Bảo vệ thực vật	
	6	Lê Ngọc Hưng	10/9/1966	thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Trồng trọt		Nhân viên phòng BVTV		V.03.01.02			Bảo vệ thực vật	
	*	Trại thực nghiệm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật											
	1	Huỳnh Thanh Khiết	24/08/1981	Thị trấn Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Thạc sỹ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Phụ trách Trại thực nghiệm		V.03.01.02			Phụ trách công tác thực nghiệm trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

[illegible]

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Chuyên viên	11											Bảo vệ thực vật	
III		Phòng Hành chính, Tổng hợp											
		Thực trạng											
1		Đắk Lắk											
	1	Phạm Khánh Diễn	27/04/1978	Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Trồng trọt		Trưởng phòng	09.319			10/9/2022	Trưởng phòng HCTH; Hành chính, Tổng hợp	
	2	H'Ning H'Dok	13/04/1976	Ea Tam, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Đại học Kinh tế Nông nghiệp			01.003				Văn thư, lưu trữ	
	3	Trương Thị Thúy Kiều	28/3/1980	Bình chánh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Hành chính, Tổng hợp	
	4	Nguyễn Minh Đức	20/04/1985	Xã Tam Phúc, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Đại học Kinh tế Nông lâm		Giao phụ trách kế toán Chi cục		V.03.01.02			Phân công phụ trách Kế toán Chi cục	
	5	Lê Uyên	01/03/1997	Đông Yên, Đông Sơn, Thanh Hóa	Đại học KHCT				V.03.01.02			Hành chính tổng hợp	
	6	Đỗ Thị Ái Long	17/06/2000	Liên Hoa, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Kinh tế Nông nghiệp				HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			Hành chính tổng hợp	
	7	Đỗ Văn Hoan	10/05/1979	An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Giấy phép lái xe hạng B2					Lái xe		Lái xe ô tô Chi cục (47A-003.62)	
2		Phú Yên											
	1	Trịnh Thị Tô Phương	02/10/1982	Phú Yên	Cử nhân Kế toán	Trung cấp	Phó trưởng phòng	01.003			25/04/2025	Phó Trưởng phòng HCTH, phụ trách lĩnh vực hành chính, tổng hợp	
	2	Nguyễn Ngọc Trúc	19/09/1969	Hòa Hiệp Trung -Đông Hòa-Phú Yên	Cử nhân Kinh tế		Kế toán viên	06.031				Kế toán viên	Đăng ký nghi ND 178 từ T8/2025
	3	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	21/9/1986	Phú Yên	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Sơ cấp	Chuyên viên		01.003			VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hành chính, văn phòng	
	4	Đình Văn Lợi	28/4/1967	Phú Yên	TC Trồng trọt		Nhân viên bảo vệ	01.011		Bảo vệ		Bảo vệ cơ quan tại 64 Lê Duẩn, Phường Tuy Hòa	Đăng ký nghi ND 178 từ T6/2025

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
	5	Nguyễn Hùng Sơn	02/07/1972	Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Giấy phép Lái xe B2		Nhân viên lái xe	01.010		Lái xe		Lái xe ô tô Chi cục (78B 0630)	Đăng ký nghi theo NĐ178 (01/8/2025)
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (phòng Hành chính, Tổng hợp)													
Trưởng phòng	1	Phạm Khánh Diễn	27/04/1978	Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam	Đại học Trồng trọt			09.319				Trưởng phòng HCTH; Hành chính, Tổng hợp	
Phó Trưởng phòng	2	Trịnh Thị Tô Phương	02/10/1982	Phú Yên	Cử nhân Kế toán	Trung cấp		01.003				Phó Trưởng phòng HCTH, phụ trách lĩnh vực hành chính, tổng hợp	
Chuyên viên	3	H'Ning H'Dok	13/04/1976	Ea Tam, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Đại học Kinh tế Nông nghiệp			01.003				Văn thư, lưu trữ	
Chuyên viên	4	Trương Thị Thúy Kiều	28/3/1980	Bình chánh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Hành chính, Tổng hợp	
Phụ trách kế toán	5	Nguyễn Minh Đức	20/04/1985	Xã Tam Phúc, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Đại học Kinh tế Nông lâm				V.03.01.02			Phân công phụ trách Kế toán Chi cục	
Chuyên viên	6	Lê Uyên	01/03/1997	Đồng Yên, Đồng Sơn, Thanh Hóa	Đại học KHCT				V.03.01.02			Hành chính tổng hợp	
Chuyên viên	7	Đỗ Thị Ái Long	17/06/2000	Liên Hoa, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Kinh tế Nông nghiệp				HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			Hành chính tổng hợp	
Kê toán viên	8	Nguyễn Ngọc Trúc	19/09/1969	Hòa Hiệp Trung -Đông Hòa-Phú Yên	Cử nhân Kinh tế			06.031				Kê toán viên	Đăng ký nghi theo NĐ178 (01/8/2025)
Chuyên viên	9	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	21/9/1986	Phú Yên	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Sơ cấp			01.003			VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hành chính, văn phòng	Đăng ký nghi NĐ 178 từ T5/2026
Nhân viên	10	Đinh Văn Lợi	28/4/1967	Phú Yên	TC Trồng trọt					Bảo vệ		Bảo vệ cơ quan tại 64 Lê Duẩn, Phường Tuy Hòa	Đăng ký nghi NĐ 178 từ T6/2025

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Nhân viên	4	Nguyễn Hùng Sơn	02/07/1972	Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Giấy phép Lái xe B2					Lái xe		Lái xe ô tô Chi cục (78B 0630)	Đăng ký nghỉ theo NĐ178 (01/8/2025)
Nhân viên	12	Đỗ Văn Hoan	10/05/1979	An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Giấy phép lái xe hạng B2					Lái xe		Lái xe ô tô Chi cục (47A-003.62)	
IV		Trạm KDTV nội địa											
		Thực trạng											
1		Đắc Lắc											
		Trạm KDTV nội địa											
	1	Võ Thị Thu Sương	30/07/1980	Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp	Trạm Trưởng	01.003			18/3/2025	Trưởng trạm KDTV nội địa, Quản lý phân, thuốc, Pháp chế	
	2	Nguyễn Đức Nguyên	20/12/1982	Quỳnh Báo, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp	Phó Trưởng Trạm KDTV	09.319			18/3/2025	Phó Trưởng trạm KDTV nội địa, KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
	3	Nguyễn Thị Hoa	18/12/1976	Thái Bình	Đại học trồng trọt	Trung cấp	Phó Trưởng trạm KDTV	09.319			18/3/2025	Phó Trưởng trạm KDTV nội địa, KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
	4	Trần Thị Hạnh	14/08/1983	Nghệ An	Đại học Trồng trọt		Nhân viên trạm KDTV		V.03.01.02			KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
	5	Lê Thuỳ Dương	31/10/1996	Đông yên , đông sơn, Thanh Hoá	đại học kinh tế		Nhân viên trạm KDTV		HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
	6	Vũ Thị Hà Thu	22/02/1993	Minh Phú, Đông Hưng, Thái Bình	Cử nhân Luật		Nhân viên trạm KDTV		HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
	7	Nguyễn Hà Tuấn Anh	14/4/1996	Bình Hải, Thăng Bình, Quảng Nam	Cử nhân Luật		Nhân viên trạm KDTV		Chờ tuyển dụng viên chức			KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
		Phòng Thanh tra, Pháp chế											
	1	Nguyễn Thế Ân	22/05/1970	Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên	Đại học Trồng trọt			09.319				Quản lý phân, thuốc, Pháp chế	
	2	Nguyễn Quốc Dũng	30/03/1989	Kỳ Hải, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Thạc sĩ Quản lí công				V.03.01.02			Quản lý phân, thuốc, Pháp chế	
	3	Đỗ Thị Thu Diệu	20/09/1990	Phú Dương, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Quản lý phân, thuốc, Pháp chế	
2		Phú Yên											
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm KDTV nội địa)													
Trưởng trạm	1	Võ Thị Thu Sương	30/07/1980	Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp		01.003			18/3/2025	Trưởng trạm KDTV nội địa, Quản lý phân, thuốc, Pháp chế	
Phó Trưởng trạm	2	Nguyễn Đức Nguyên	20/12/1982	Quỳnh Bảo, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp		09.319			18/3/2025	Phó Trưởng trạm KDTV nội địa, KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
Phó Trưởng trạm	3	Nguyễn Thị Hoa	18/12/1976	Thái Bình	Đại học trồng trọt	Trung cấp		09.319			18/3/2025	Phó Trưởng trạm KDTV nội địa, KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
Kiểm dịch viên	4	Trần Thị Hạnh	14/08/1983	Nghệ An	Đại học Trồng trọt				V.03.01.02			KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
Kiểm dịch viên	5	Lê Thuỳ Dương	31/10/1996	Đông yên , đông sơn, Thanh Hoá	đại học kinh tế				HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	
Kiểm dịch viên	6	Vũ Thị Hà Thu	22/02/1993	Minh Phú, Đông Hưng, Thái Bình	Cử nhân Luật				HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			KDTV, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
	1	Vũ văn Kiểm	14/02/1978	Đồng sơn- Nam Trục- Nam Định	Kỹ sư Nông nghiệp		Giao phụ trách trạm TT&BVTV Cư Kuin		V.03.01.02		01/08/2024	Trồng trọt và BVTV	
	2	Nguyễn Phương Trúc Linh	28/10/1979	Tam Anh- Tam Kỳ- Quảng Nam	Kỹ sư Nông nghiệp		Nhân Viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
	3	Trần Song Toàn	20/10/1968	Kim Liên- Nam Đàn-Nghệ An	Trung cấp Bảo vệ thực vật		Nhân viên		V03.01.03			Trồng trọt và BVTV	Đăng ký nghi ND 178 từ T11/2025
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Buôn Ma Thuột)													
Trưởng trạm	1	Nguyễn Minh Hữu	9/12/1981	Tịnh Thọ, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Thạc sĩ KHCT	Trung cấp			V.03.01.02			Trưởng trạm, Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	2	Ngô Khắc Quý	12/11/1975	Diễn Hoa-Diễn Châu- Nghệ -An	kỹ sư Trồng Trọt	Trung Cấp			V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	3	Lương Thị Hồng Loan	25/01/1989	xã Lê Lợi, Huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	4	Y' Davit Ênuôl	08/08/1979	xã Cư Êbur, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Đại học nông học	Trung cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	5	Y'Billy Niê kdăm	20/04/1973		Đại học trồng trọt				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	6	Nguyễn văn Giáo	26/07/1980	Vinh An, Phú Vang, thừa Thiên Huế	Kỹ sư bảo vệ thực vật	Sơ cấp			V.03.01.02		01/06/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	7	Trần Anh Thiên Lộc	13/05/1984	Phong Lai, Hương Điền, thừa Thiên Huế	Kỹ sư bảo vệ thực vật	Sơ cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	8	Vũ văn Kiểm	14/02/1978	Đồng sơn- Nam Trục- Nam Định	Kỹ sư Nông nghiệp				V.03.01.02		01/08/2024	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	9	Nguyễn Phương Trúc Linh	28/10/1979	Tam Anh- Tam Kỳ- Quảng Nam	Kỹ sư Nông nghiệp				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Cán sự	10	Trần Song Toàn	20/10/1968	Kim Liên- Nam Đàn-Nghệ An	Trung cấp Bảo vệ thực vật				V03.01.03			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Đăng ký nghi ND 178 từ T11/2025

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
II		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vậtkhuvực Krông Búk											
		Thực trạng											
1		Trạm Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật huyện Krông Búk											
	1	Ngô Khắc Quý	12/11/1975	Diễn Hoa-Diễn Châu-Nghệ -An	kỹ sư Trồng Trọt	Trung Cấp	Trạm Trưởng		V.03.01.02		20/3/2025	Trồng Trọt Và Bảo Vệ Thực Vật	
	2	Lâm Ngọc Bình	30/8/1985	Bình sa - Thăng Bình - Quảng Nam	kỹ sư công nghệ thực phẩm		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng Trọt Và Bảo Vệ Thực Vật	
	3	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/02/1985	Hành Thiện- Nghĩa Hành- Quảng Ngãi	kỹ sư Bảo quản chế biến nông sản		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng Trọt Và Bảo Vệ Thực Vật	
2		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Krông Năng											
	1	Phan Thị Xuyên	25/12/1983	Phúc Đồng - Hương Khê - Hà Tĩnh	Đại học khoa học cây trồng	Trung cấp	Trưởng trạm		V.03.01.02		20/3/2015	trồng trọt, bảo vệ thực vật	
	2	Đặng Huỳnh Minh Sơn	16/9/1988	Điện Ngọc - Điện Bàn - Quảng Nam	Kỹ sư nông học		nhân viên		V.03.01.02			trồng trọt và BVTV	
	3	Cao Văn Hà	07/07/1969	Xuân Hóa - Minh Hóa - Quảng Bình	Đại học nông nghiệp		nhân viên		V.03.01.02			trồng trọt và BVTV	
3		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thị xã Buôn Hồ											
	1	Trần Văn Toan	10/07/1974	Dương Nội, Hà Đông, Tp Hà Nội	Đại học	Trung cấp	Phó trưởng Trạm, Phụ trách		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
	2	Nguyễn Thị Thu Hương	27/05/1987	Hải Hưng,Hải Lăng , Quảng Trị	cử nhân kinh tế nông nghiệp		nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
4		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Ea H'Leo											
	1	Lê Quang Đức	20/08/1984	Xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Kỹ sư trồng trọt		Phụ trách trạm		V.03.01.02		01/10/2024	Trồng trọt và BVTV	
	2	Bùi Đình Hồng	13/11/1974	ơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp	Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Krông Búk)													
Trưởng trạm	1	Phan Thị Xuyên	25/12/1983	Phúc Đồng - Hương Khê - Hà Tĩnh	Đại học khoa học cây trồng	Trung cấp			V.03.01.02		20/3/2015	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	2	Trần Văn Toan	10/07/1974	Dương Nội, Hà Đông, Tp Hà Nội	Đại học	Trung cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	3	Lâm Ngọc Bình	30/8/1985	Bình sa - Thăng Bình - Quảng Nam	kỹ sư công nghệ thực phẩm				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Chuyên viên	4	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/02/1985	Hành Thiện- Nghĩa Hành- Quảng Ngãi	kỹ sư Bảo quản chế biến nông sản				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	5	Đặng Huỳnh Minh Sơn	16/9/1988	Điện Ngọc - Điện Bàn - Quảng Nam	Kỹ sư nông học				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	6	Cao Văn Hà	07/07/1969	Xuân Hóa - Minh Hóa - Quảng Bình	Đại học nông nghiệp				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	7	Nguyễn Thị Thu Hương	27/05/1987	Hải Hưng,Hải Lăng , Quảng Trị	cử nhân kinh tế nông nghiệp				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	8	Lê Quang Đức	20/08/1984	Xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Kỹ sư trồng trọt				V.03.01.02		01/10/2024	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	9	Bùi Đình Hồng	13/11/1974	om, Huyện Đô Lương, Tỉnh	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	10											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
III		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Cư M'Gar											
		Thực trạng											
1		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Cư M'gar											
	1	La Thị Vân Anh	05/05/1977	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư nghĩa -Quảng Ngãi	Đại Học Trồng Trọt	Trung Cấp	Trưởng Trạm		V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt và BVTV	
	2	Nguyễn Trường Hải	02/11/1978	Duy châu, Duy xuyên, Quảng Nam	Đại học Bảo vệ thực vật		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	Chuyển công tác về xã
	3	Y Lim Êban	01/01/1990	Buôn Ju, xã Ea Tu, TP.BMT-Đắk Lắk	Đại học Nông Học	Sơ cấp	Nhân viên		HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			Trồng trọt và BVTV	
2		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Buôn Đôn											
	1	Hoàng Thị Ánh Nhi	06/10/1985	Xã Diên Lộc - Phong Điền Thừa Thiên Huế	KS Khoa học cây trồng		Trưởng Trạm		V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt và BVTV	
	2	Huỳnh Đức	10/09/1967	Tam Kỳ - Quảng Nam	ĐH Trồng trọt		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
	3	Nguyễn Văn Thủy	20/03/1979	Xã Vũ Hội - Vũ Thư - Thái Bình	KS Khoa học - cây trồng		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
3		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Ea Súp											
	1	Nguyễn Văn Thủy	10/08/1968	Vũ Vinh, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Trồng trọt	Cao cấp	Trưởng trạm		V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	Đăng ký nghị ND 178 từ T9/2025
	2	Nguyễn Anh Quốc	07/08/1979	Hoa Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình	Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Phó trưởng trạm		V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
	3	Trần Thị Hải Yến	08/06/1982	Hồng Phong, Vũ Thư ,Thái Bình	Đại học Trồng trọt		Nhân viên		V.03.01.02			Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
	4	Hoàng Văn Giang	17/09/1993	Thụy Xuân, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Bảo vệ thực vật		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Cư M'Gar)													
Trưởng trạm	1	La Thị Vân Anh	05/05/1977	Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư nghĩa -Quảng Ngãi	Đại Học Trồng Trọt	Trung Cấp			V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	2	Hoàng Thị Ánh Nhi	06/10/1985	Xã Diên Lộc - Phong Điền Thừa Thiên Huế	KS Khoa học cây trồng				V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	3	Nguyễn Anh Quốc	07/08/1979	Hoa Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình	Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp			V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	4	Nguyễn Văn Thủy	10/08/1968	Vũ Vinh, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Trồng trọt	Cao cấp			V.03.01.02		20/3/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Đăng ký nghị ND 178 từ T9/2025
Chuyên viên	5	Y Lim Êban	01/01/1990	Buôn Ju, xã Ea Tu, TP.BMT-Đắk Lắk	Đại học Nông Học	Sơ cấp			HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	6	Huỳnh Đức	10/09/1967	Tam Kỳ - Quảng Nam	ĐH Trồng trọt				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	7	Nguyễn Văn Thủy	20/03/1979	Xã Vũ Hội - Vũ Thư - Thái Bình	KS Khoa học - cây trồng				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Chuyên viên	8	Trần Thị Hải Yến	08/06/1982	Hồng Phong, Vũ Thư ,Thái Bình	Đại học Trồng trọt				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	9	Hoàng Văn Giang	17/09/1993	Thụy Xuân, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	10											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
IV		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Ea Kar											
		Thực trạng											
1		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Ea Kar											
	1	Nguyễn Ngọc Tuấn	23/10/1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thạc sỹ nông nghiệp	Cao cấp	Trưởng trạm		V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt và BVTV	Đăng ký nghi ND 178 từ T11/2025
	2	H Jen Byă	02/01/1976	Buôn M'oa, xã cư Huê,Huyện Ea Kar,tỉnh ĐăkLăk	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp	Phó trưởng trạm		V.03.01.02		01/09/2022	Trồng trọt và BVTV	
2		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Krông Pắc											
	1	Trương Văn Cao	28/11/1966	xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Thạc sĩ trồng trọt		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
	2	Trần Đình Cường	18/4/1978	Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Kỹ sư Bảo vệ thực vật		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
	3	Nguyễn Văn Ngọc	30/12/1973	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nông học		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
	4	Hùng Trịnh Minh Nhật	28/3/1987	Huy Tập, Thành Phố Vinh, t	Thạc sỹ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Trưởng trạm		V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt và BVTV	
3		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện M'Drăk											
	1	Nguyễn Thị Phương Thủy	31/12/1980	Nam Trung -Tiền Hải- Thái Bình	Kỹ sư BVTV	Trung cấp	Trưởng Trạm		V.03.01.02		25/11/2019	Trưởng trạm, Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
	2	H'rim Byă	10/09/1986	Krông Jing- M'Drăk-Đăk Lăk	Kỹ sư Trồng trọt		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
	3	Nguyễn Tiến Sang	12/06/1994	Thạch Khê - Thạch Hà-Hà Tĩnh	Cao Đẳng Khoa học cây trồng		Nhân viên		HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Ea Kar)													
Trưởng trạm	1	Hùng Trịnh Minh Nhật	28/3/1987	Phường Hà Huy Tập, Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Thạc sỹ Khoa học cây trồng	Trung cấp			V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	2	H Jen Byă	02/01/1976	Buôn M'oa, xã cư Huê,Huyện Ea Kar,tỉnh ĐắkLắk	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp			V.03.01.02		01/09/2022	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	3	Nguyễn Thị Phương Thủy	31/12/1980	Nam Trung -Tiền Hải- Thái Bình	Kỹ sư BVTV	Trung cấp			V.03.01.02		25/11/2019	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Xin chuyển công tác về xã
Phó Trưởng trạm	4	Nguyễn Ngọc Tuấn	23/10/1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thạc sỹ nông nghiệp	Cao cấp			V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Đăng ký nghỉ ND 178 từ T11/2025
Chuyên viên	5	Trương Văn Cao	28/11/1966	xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Thạc sĩ trồng trọt				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	6	Trần Đình Cường	18/4/1978	Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Kỹ sư Bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	7	Nguyễn Văn Ngọc	30/12/1973	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nông học				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	8	H'rim Byă	10/09/1986	Krông Jing- M'Drăk-Đăk Lăk	Kỹ sư Trồng trọt				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	9	Nguyễn Tiến Sang	12/06/1994	Thạch Khê - Thạch Hà-Hà Tĩnh	Cao Đẳng Khoa học cây trồng				HĐLĐ chờ tuyển dụng viên chức			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
V		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Lắc											
		Thực trạng											
1		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Krông Bông											
	1	Lê Thị Trúc Hạnh	28/10/1981		Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp	Phó trưởng Trạm, Phụ trách		V.03.01.02		20/02/2025	Trồng trọt và BVTV	
	2	Trịnh Đình Ngọc	18/02/1985	xã Xuân Yên, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Trung cấp Bảo vệ thực vật		Nhân viên		V.03.01.03			Trồng trọt và BVTV	
2		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Lắc											
	1	Phạm Thị Nhài	01/10/1977	Xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Trồng trọt	Cao cấp	Trưởng trạm		V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt và BVTV	
	2	Nguyễn Đức Quân	27/05/1979	Dương Hồng Thủy, Thái Thụy, Thái Bình	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp	Phó trưởng trạm		V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt và BVTV	
	3	Y Đình Dak Cắc	01/01/1982	Bông Krang, huyện Lắc, Đắk Lắk	kỹ sư Nông học		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
	4	Trần Thị Tính	18/07/1989	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học bảo vệ thực vật		Nhân viên		V.03.01.02			Trồng trọt và BVTV	
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Lắc)													
Trưởng trạm	1	Phạm Thị Nhài	01/10/1977	Xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học Trồng trọt	Cao cấp			V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	2	Nguyễn Đức Quân	27/05/1979	Dương Hồng Thủy, Thái Thụy, Thái Bình	Kỹ sư trồng trọt	Trung cấp			V.03.01.02		20/03/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	3	Lê Thị Trúc Hạnh	28/10/1981		Đại học Bảo vệ thực vật	Trung cấp			V.03.01.02		20/02/2025	Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Cán sự	4	Trịnh Đình Ngọc	18/02/1985	xã Xuân Yên, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Trung cấp Bảo vệ thực vật				V.03.01.03			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	5	Y Đình Dak Cắc	01/01/1982	Bông Krang, huyện Lắc, Đắk Lắk	kỹ sư Nông học				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	6	Trần Thị Tính	18/07/1989	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học bảo vệ thực vật				V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Chuyên viên	7											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	8											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
VI		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Tuy An Bắc											
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Tuy An Bắc)													
Trưởng trạm	1											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	2											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên (giao phụ trách trạm)	3	Nguyễn Thị Mỹ	20/12/1984	Hòa Định Tây-Phú Hòa-Phú Yên	Kỹ sư Bảo vệ thực vật	Trung cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Dự kiến Phó Trưởng trạm, phụ trách trạm
Chuyên viên	4	Mạnh Thế Trí	19/10/1989	Xuân Quang 3-Đồng Xuân-Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	5	Võ Hoàng Thu Trinh	26/10/1988	TT Chí Thạnh- Tuy An-Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	6	Biện Minh Triết	15/11/1996	Phú Yên	Kỹ sư Nông học	Sơ cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	7	Lê Thị Nhật Lệ	06/12/1997	Phú Yên	Kỹ sư Nông học	Sơ cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	8											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
VII		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Phú Hòa 1											
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Phú Hòa 1)													
Trưởng trạm	1											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Phó Trưởng trạm	2											Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên (giao phụ trách trạm)	3	Hoàng Thị Kim Anh	21/9/1984	Bình Sa-Thăng Bình-Quảng Nam	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Trung cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Dự kiến Phó Trưởng trạm, phụ trách trạm
Chuyên viên	4	Hồ Kim Lân	20/6/1984	Hoà Thăng-Phú Hòa-Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	5	Nguyễn Thị Thúy Vy	16/12/1996	Phú Yên	Kỹ sư Nông học	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	6	Lê Đức Thuận	15/11/1988	Hòa Định Đông- Phú Hòa-Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	7	Nguyễn Nữ Cẩm Ly	19/12/1999	Phú Yên	Kỹ sư Bảo vệ thực vật	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	8	Hoàng Gia Thịnh	17/8/1990	Hà Nội	Kỹ sư Khoa học cây trồng	Sơ cấp	Bảo vệ viên BVTV hạng III		V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
VIII		Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Sông Hinh											
DỰ KIẾN NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT (Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Sông Hinh)													
Trưởng trạm	1	Lương Văn Lê	17/4/1978	Hòa Mỹ Tây-Tây Hòa-Phú Yên	Kỹ sư Bảo vệ thực vật	Trung cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Phó Trưởng trạm	2	Võ Thị Thắm	05/10/1986	kp1.phuong phú đông-Tuy Hòa-Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Trung cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Cán sự	3	Võ Thị Hồng Điệp	20/02/1993	kp1.phuong phú đông-Tuy Hòa-Phú Yên	Cao đẳng Khoa học Cây trồng, Cử nhân	Sơ cấp			V.03.01.03			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	4	Lê Thanh Tùng	11/11/1990	Phú Yên	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Sơ cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	5	Lê Thành Danh	21/09/1996	Bình Định	Kỹ sư Khoa học cây trồng	Sơ cấp			V.03.01.02			Trồng trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	

Số TT/chức vụ, chức danh chi cục mới	Số TT CC VC	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chức vụ/chức danh đang công tác	Ngạch công chức	Mã số viên chức	HĐLĐ theo Nghị định số 111	Thời gian bổ nhiệm chức vụ (đối với lãnh đạo quản lý)	Vị trí việc làm, lĩnh vực phân công phụ trách	Ghi chú
Chuyên viên	6											Trông trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	7											Trông trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	
Chuyên viên	8											Trông trọt, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	